

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2020/HC-ST

Ngày: 18/11/2020 .

V/v: Khiếu kiện quyết định huỷ

GCNQSD đất, quyết định phê

duyet phương án bồi thường

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yến

Ông Nguyễn Ngọc Luân

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Việt Hoa là Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Trần Chí Thành - KSV

Trong các ngày 16 và 18/11/2020 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2018/TLST-HC ngày 12/07/2018 về khiếu kiện huỷ quyết định thu hồi, huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/QĐXX-HC ngày 22/10/2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà N.T.N, sinh năm 1962

Địa chỉ: số nhà 30 ngõ 4 thôn S.D, xã N.K, huyện Đ.A, Hà Nội; có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ.A, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện: ông Nguyễn Xuân Linh; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã N.K, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội;

Trụ sở: Thôn Cán Khê, xã N.K, huyện Đ.A, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thuỳ Dung, chức vụ: Công chức Địa chính xây dựng nông nghiệp và môi trường; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. Ông V.V.H, sinh năm 1961 (chồng bà Nhị); có mặt.

3. Anh V.T.A, sinh năm 1985 (con bà Nhị); vắng mặt.

Cùng trú tại: số nhà 30 ngõ 4 thôn S.D, xã N.K, huyện Đ.A, Hà Nội;

4. Chị V.T.P.A, sinh năm 1987 (con bà Nhị); vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lục Canh, xã Xuân Canh, huyện Đ.A, Hà Nội; vắng mặt.

Ông Hồng, anh Tiến Anh, chị Phương Anh uỷ quyền cho bà N.T.N theo giấy uỷ quyền ngày 25/5/2020 của UBND xã N.K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện bà N.T.N trình bày:**

Nghị định của chính phủ số 64-CP ngày 27/09/1993 quy định về việc “*giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp*”. Năm 2003 các con của bà đến tuổi lao động (V.T.A 18 tuổi; V.T.P.A 16 tuổi) không có việc làm, gia đình bà đã làm đơn xin được giao đất sản xuất nông nghiệp để ổn định đời sống.

Được sự quan tâm của Đảng, chính quyền địa phương cùng các cơ quan ban ngành năm 2003 gia đình bà được giao đất sản xuất nông nghiệp với diện tích 420m², tại cánh đồng Giải Phườn, thời gian sử dụng 20 năm và được UBND huyện Đ.A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2300/ QSD/ NNNK ngày 22 tháng 01 năm 2003, mang tên hộ ông V.V.H.

Từ khi được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, gia đình bà vẫn sử dụng đúng mục đích là sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất được giao và thực hiện đầy đủ các quy định của địa phương về việc sử dụng đất và nộp thuế đầy đủ cho nhà nước.

Hiện nay, diện tích đất sản xuất nông nghiệp của gia đình nằm trong khu đất giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án xây dựng “khu công viên phần mềm”.

Ngày 26/4/2018 bà nhận được quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 của UBND Huyện Đ.A về việc Thu hồi, huỷ bỏ GCNQSD đất nông nghiệp số L 183416 do UBND huyện Đ.A cấp ngày 22/01/2003 cho hộ gia đình ông Vương Văn Hồng, còn không nhận được phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của nhà nước. Bà không đồng ý với quyết định 1736/QĐ-UBND. Tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 6/10/2020 bà mới biết UBND huyện Đ.A ban hành quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 77 Luật đất đai 2013, quy định về bồi thường đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ

gia đình, cá nhân; Điều 19 Nghị định 47/2014/ NĐ - CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Khoản 2 Điều 6 Thông tư 37/2014/TT-BTN-MT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 17 Nghị định 43/2014 của Chính phủ, gia đình được bồi thường 100% theo đúng quy định. UBND huyện Đ.A ra Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 về việc Thu hồi quyền sử dụng đất nông nghiệp số L 183416 do UBND huyện Đ.A cấp ngày 22/01/2003 và quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 phê duyệt phương án bồi thường đối với gia đình là trái pháp luật.

Ngày 20/6/2018 bà N.T.N có đơn khởi kiện đề nghị huỷ Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 của UBND huyện Đ.A. Ngày 6/10/2020 bà Nhị bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án huỷ quyết định 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND huyện Đ.A.

Người bị kiện: UBND huyện Đ.A trình bày:

1. Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1736/QĐ-UBND 11/4/2018 về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất nông nghiệp số L 183416 do UBND huyện Đ.A cấp ngày 22/01/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H và quá trình giải quyết khiếu nại (lần đầu).

1.1. Tại Kết luận số 01/KL-TTr ngày 17/01/2018 của Thanh tra huyện Đ.A về thẩm tra, xác minh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số L 183416 của hộ gia đình ông V.V.H, địa chỉ thôn S.D, xã N.K, cụ thể:

+ Việc hộ gia đình ông V.V.H, địa chỉ thôn S.D, xã N.K, huyện Đ.A, thành phố Hà Nội kê khai xin cấp GCNQSD đất nông nghiệp đối với diện tích 420m² đất tại xứ đồng Giải Phườn thuộc thôn S.D, xã N.K, huyện Đ.A là thiếu hiểu biết về pháp luật.

+ Trưởng thôn S.D, cán bộ địa chính xã N.K (giai đoạn năm 2002-2003) đã thiếu trách nhiệm trong việc lập hồ sơ cấp GCNQSD đất nông nghiệp đối với hộ gia đình ông V.V.H, Hội đồng giao đất và xét cấp GCNQSD đất xã N.K đã không phát hiện việc lập hồ sơ cấp GCNQSD đất không đúng quy định của pháp luật về cấp GCNQSD đất, cụ thể:

- * Giao đất và cấp GCNQSD đất không đúng đối tượng.
- * Không có tên trong Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết của hộ gia đình, cá nhân được sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của thôn S.D, xã N.K đã được UBND huyện Đ.A phê duyệt.

- Ngày 31/01/2018, UBND huyện Đ.A có Thông báo số 135/UBND-TTr về giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ngày 09/3/2018, UBND huyện Đ.A có Thông báo 205/TB- UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số L 183416 cấp ngày 22/01/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H, địa chỉ thôn S.D, xã N.K.

- Ngày 11/4/2018, UBND huyện Đ.A có Quyết định số 1736/QĐ- UBND về thu hồi, hủy bỏ GCN quyền sử dụng đất nông nghiệp số L 183416 do UBND huyện Đ.A cấp ngày 22/01/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H tại thôn S.D, xã N.K.

Như vậy, việc thu hồi GCNQSD đất số L 183416 đã cấp cho hộ gia đình ông V.V.H, địa chỉ thôn S.D, xã N.K được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Khoản 3, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 3, Điều 87, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 59, Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội.

1.2. Quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu.

Sau khi nhận được Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/4/2018, ông V.V.H và vợ là bà N.T.N có đơn khiếu nại gửi UBND huyện Đ.A.

Ngày 07/5/2019, UBND huyện Đ.A có Quyết định số 2129/QĐ- CTUB về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại do *“công dân đã đồng ý đình chỉ nội dung khiếu nại và chuyển sang kiến nghị liên quan đến chính sách đền bù hỗ trợ GPMB khi bị thu hồi đất thực hiện dự án Công viên phần mềm và nội dung số trọng điểm của Thành phố tại huyện Đ.A”*

2. Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND huyện Đ.A về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình ông V.V.H kèm theo phương án chi tiết.

Khi triển khai dự án Khu công viên phần mềm và nội dung số trọng điểm của Thành phố tại huyện Đ.A, hộ gia đình ông V.V.H và bà N.T.N có 420m² đất nằm trong chỉ giới thu hồi thực hiện dự án (thu hồi 100% diện tích đang sử dụng).

Ngày 29/11/2018, UBND huyện Đ.A có Quyết định số 6751/QĐ- UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông V.V.H, cụ thể: Bồi thường về đất: không được xem xét bồi thường hỗ trợ do không có tên trong phương án giao đất chi tiết đã được UBND huyện Đ.A phê duyệt.

Bồi thường về cây cối, hoa màu: lúa nếp trên diện tích 420m² với số tiền 4.200.000 đồng.

Về trình tự, thủ tục lập phương án BTHTr-GPMB cho gia đình ông V.V.H khi bị thu hồi 420m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Giải Phườn được thực hiện theo đúng chính sách bồi thường hỗ trợ GPMB.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã N.K trình bày:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Năm 1999, thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP trên địa bàn xã N.K, hộ gia đình ông V.V.H không có tên trong phương án giao đất chi tiết đã được UBND huyện Đ.A phê duyệt do gia đình không thuộc đối tượng được giao đất nông nghiệp. Tuy nhiên, sau khi thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo ND 64/CP xong, năm 2003 ông V.V.H đề nghị được xem xét bổ sung việc giao đất nông nghiệp do tại thời điểm này các con của ông V.V.H đã đến tuổi lao động.

Năm 2003, ban lãnh đạo thôn S.D đã giao cho hộ gia đình ông V.V.H diện tích 420m² đất tại xứ đồng Giải phước, thôn S.D. Quỹ đất dùng để giao là quỹ đất nông nghiệp công ích 5% do UBND xã quản lý. Đây là quỹ đất nông nghiệp dùng để giao đất theo ND 64/CP cho các hộ dân còn để lại để xét giao bổ sung cho các hộ gia đình bị thiếu. Sau khi hộ gia đình ông V.V.H được giao đất, UBND xã chưa thực hiện bổ sung tên ông V.V.H vào phương án giao đất chi tiết tại thôn S.D.

Quá trình sử dụng đất ông V.V.H đã có đơn kê khai đề nghị cấp GCNQSD đất và được UBND huyện Đ.A cấp GCNQSD đất ngày 22/01/2003. Gia đình ông V.V.H luôn trực tiếp canh tác sản xuất nông nghiệp ổn định và nộp thuế đầy đủ theo quy định như đối với đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP.

Ngày 11/4/2018, UBND huyện Đ.A đã ra quyết định số 1736/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất nông nghiệp số L 183416 do UBND huyện Đ.A cấp ngày 22/01/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H tại thôn S.D, xã N.K do cấp GCNQSD đất không đúng quy định của pháp luật đất đai là hoàn toàn đúng quy định. Vì toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất của hộ gia đình ông V.V.H thể hiện diện tích gia đình ông V.V.H xin cấp là đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP là không đúng với thực tế.

Diện tích đất nông nghiệp 420m² tại xứ đồng Giải phước của hộ gia đình ông V.V.H được giao và sử dụng ổn định trước 01/7/2004, không có tranh chấp thì đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất nông nghiệp (không phải đất nông nghiệp giao theo ND 64/CP).

Đối với công tác BTHTr-GPMB, UBND huyện Đ.A cũng đã xin ý kiến UBND TP Hà Nội về việc hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp như những trường hợp được giao đất theo Nghị định 64/CP.

Yêu cầu khởi kiện của bà Nhị, UBND xã N.K đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Ông V.V.H, anh V.T.A, chị V.T.P.A thống nhất ý kiến của bà Nhị

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính thuộc Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội, thời hiệu khởi kiện đảm bảo.

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung:

- Đối với quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của UBND huyện Đ.A

Hộ gia đình ông Hồng, bà Nhị sử dụng thửa đất nông nghiệp có diện tích 420m² tại xứ đồng Giải Phươn do Ban lãnh đạo thôn S.D giao năm 2002 là đất nông nghiệp do UBND xã N.K quản lý, không thuộc quỹ đất để giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP cho các hộ sử dụng ổn định 20 năm.

Gia đình ông Hồng và bà Nhị không thuộc đối tượng được giao đất theo Nghị định 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và Hướng dẫn số 10/HD-UB ngày 19/12/1998 của UBND huyện Đ.A (bà Nhị là giáo viên, ông Hồng là bộ đội, các con chưa đủ 16 tuổi), không có tên trong Phương án giao đất nông nghiệp được UBND huyện Đ.A phê duyệt.

Khi lập hồ sơ, xét duyệt cấp GCN QSD đất, UBND xã N.K không đối chiếu với Phương án giao đất nông nghiệp dẫn đến việc trình UBND huyện Đ.A cấp GCN QSD đất là không đúng theo quy định tại Luật Đất đai; Điều 6, 7 Nghị định 64/1993/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ không đúng đối tượng sử dụng đất. UBND huyện Đ.A ban hành Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 về việc thu hồi, hủy bỏ GCN quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông V.V.H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 29-11-2018 của UBND huyện Đ.A v/v phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình ông V.V.H

Ngày 29-11-2018, UBND huyện Đ.A ban hành Quyết định số 6751/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình ông V.V.H. Gia đình ông Hồng được bồi thường 4.200.000 đồng là phần bồi thường cây cối, hoa màu. UBND huyện Đ.A đã ra quyết định thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất nên hộ ông Hồng chỉ được bồi thường cây cối, hoa màu theo quy định của UBND thành phố Hà Nội. Việc khiếu kiện hủy quyết định 6751/QĐ-UBND nêu trên của bà Nhị không được chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị:

Căn cứ Điều 106 Luật Đất đai 2013; điều 6, 7 Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ; Nghị định 43/2014/NĐ-CP, 47/2014/NĐ-CP; điểm a

khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nhị về việc Hủy Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11-4-2018; Quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 29-11-2018 của UBND huyện Đ.A

- Người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1]. Về việc vắng mặt của người bị kiện: Phiên tòa được mở lần thứ hai, UBND huyện Đ.A vắng mặt. Căn cứ điều 157 Luật Tổ tụng hành chính, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2]. Ngày 24/4/2015 UBND huyện Đ.A ban hành quyết định số 1736/QĐ-UBND về việc thu hồi, huỷ bỏ GCNQSD đất nông nghiệp số L 183416 do UBND huyện Đ.A cấp ngày 22/1/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H. Ngày 29/11/2018 UBND huyện Đ.A ban hành quyết định số 6751/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường. Không đồng ý với 02 quyết định này, bà N.T.N (là vợ ông V.V.H) nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ các quyết định trên. Đây là quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Vụ án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 4 điều 32, khoản 1 điều 33 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện đảm bảo được quy định tại khoản 2 điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3]. Xét quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- Về thẩm quyền ban hành:

Quyết định 1736/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 thu hồi huỷ bỏ GCNQSD đất số L 183416 cấp ngày 22/1/2003 mang tên hộ ông V.V.H. Quyết định 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Căn cứ điều 106, điều 69 Luật đất đai 2013 UBND huyện Đ.A ban hành là đúng thẩm quyền.

- Về căn cứ ban hành:

+ Xét quyết định 1736/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 về việc thu hồi, huỷ bỏ GCNQSD đất cấp cho hộ gia đình ông V.V.H.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Năm 2000 UBND xã N.K thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích, sản xuất nông nghiệp và Hướng dẫn số 10/HD-UB ngày 19/12/1998 của UBND huyện Đ.A. Đối tượng giao đất tại địa phương trong đó có thành phần con cán bộ công nhân viên nhà nước sống tại địa phương đến tuổi lao động (16 tuổi) chưa có việc làm. Tại thời điểm giao đất bà Nhị đang là giáo viên, ông Hồng là bộ đội, các con của ông Hồng và bà Nhị là V.T.A (sinh năm 1985) và V.T.P.A (sinh năm 1987) chưa đủ 16 tuổi nên không thuộc đối tượng được xem xét và không có tên trong phương án giao đất theo Nghị định 64/CP.

Đến năm 2002 xét gia đình ông V.V.H có hoàn cảnh khó khăn, có nhu cầu về đất để sản xuất nông nghiệp, cải thiện cuộc sống, các con ông Hồng đã trên 16 tuổi nên Ban lãnh đạo thôn S.D tiến hành giao đất cho hộ gia đình ông V.V.H diện tích 420m² tại xứ đồng Giải Phườn. Việc giao đất này không nằm trong kế hoạch hay chủ trương của UBND huyện Đ.A. Trên cơ sở được giao đất, UBND xã N.K đã làm quy trình cùng với các hộ dân được giao đất theo Nghị định 64/CP đề nghị UBND huyện Đông Anh cấp GCNQSD đất. Ngày 22/1/2003 UBND huyện Đ.A đã cấp GCNQSD đất số L 183416 cho hộ gia đình ông V.V.H. Sổ hộ khẩu: 223589. Các thành viên trong gia đình gồm ông V.V.H (chủ hộ), bà N.T.N, anh V.T.A, chị V.T.P.A.

Tại kết luận thanh tra số 01/KL-TTTr ngày 17/1/2018 của Thanh tra huyện Đ.A khi xem xét việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông V.V.H kết luận việc Giao đất và cấp GCNQSD đất không đúng đối tượng do gia đình ông Hồng không có tên trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của thôn S.D, UBND xã N.K đã được UBND huyện Đ.A phê duyệt. Thanh tra huyện kiến nghị UBND huyện ra quyết định thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho gia đình ông Hồng căn cứ điều 106 Luật đất đai năm 2013. Trên cơ sở kết luận Thanh tra, ngày 11/4/2018 UBND huyện Đ.A ban hành quyết định 1736/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất nông nghiệp đã cấp ngày 22/1/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H.

Xét quyết định 1736/QĐ-UBND ngày 11/4/2018, UBND huyện Đ.A căn cứ vào quy định tại điều 106 Luật đất đai 2013 kết luận việc cấp GCNQSD đất của UBND huyện Đ.A không đúng đối tượng. HĐXX thấy rằng Ban lãnh đạo thôn S.D giao đất cho ông Hồng năm 2002 dựa theo tiêu chí giao đất năm 1999 tại hướng dẫn số 10/HD của UBND huyện Đ.A nhưng không có chủ trương, không có kế hoạch, không có phương án giao đất bổ sung theo Nghị định 64/CP của UBND huyện Đ.A nên cũng không có quy định của huyện Đ.A để xét tiêu chuẩn giao đất năm 2002. Ban lãnh đạo thôn S.D thực hiện giao đất cho hộ gia đình ông V.V.H không thuộc trường hợp giao không đúng đối tượng mà đây thuộc trường hợp giao trái thẩm quyền.

Theo quy định tại khoản 5 điều 20 Nghị định 43/2014 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều của Luật đất đai 2013: *Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 1/7/2004 nay được UBND cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận QSD đất.*

Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân được giao không đúng thẩm quyền. Theo khoản 5 điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì *nhà nước không cấp GCNQSD đất và thu hồi toàn bộ diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 1/7/2014 trở về sau.*

Diện tích đất ông Hồng, bà Nhị được giao trước ngày 1/7/2004, đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên thì diện tích đất của gia đình ông Hồng vẫn được cấp GCNQSD đất. UBND huyện Đ.A căn cứ việc giao đất không đúng đối tượng để huỷ GCNQSD đất là không phù hợp bởi khi xem xét việc giao đất không đúng đối tượng thì trước hết phải căn cứ vào chủ trương, kế hoạch, phương án giao đất. Ở đây hộ ông Hồng được giao đất không theo Nghị định 64/CP nhưng UBND huyện Đ.A khi xem xét huỷ GCNQSD đất lại xác định gia đình ông Hồng không có tên trong phương án giao đất của thôn S.D theo Nghị định 64/CP để cho rằng GCNQSD đất cấp không đúng đối tượng. Việc triển khai giao đất theo Nghị định 64/CP vào năm 2000, khi đó gia đình ông Hồng không được giao đất nhưng UBND huyện Đ.A lại lấy danh sách giao đất của năm 2000 xác định gia đình ông Hồng giao đất không đúng đối tượng để huỷ GCNQSD đất căn cứ điều 106 Luật đất đai năm 2013 làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông V.V.H. Tại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện Đ.A xác định đất thu hồi của gia đình không giao theo Nghị định 64/CP mà ghi đất công ích do UBND xã quản lý. Theo quy định tại điều Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ người đứng đầu điểm dân cư giao đất hoặc UBND xã giao đất không đúng thẩm quyền nhưng đất đã được sử dụng ổn định đến trước ngày 1/7/2014 không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp GCNQSD đất. Thời điểm giao đất và cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông Hồng, UBND thành phố Hà Nội chưa có quy hoạch đối với khu đất tại đây. Dự án công viên phần mềm và nội dung số trọng điểm được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch năm 2016 nên việc cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình ông Hồng phù hợp với quy định của pháp luật. UBND huyện Đ.A ban hành quyết định số 1736/QĐ-UBND thu hồi, huỷ bỏ GCNQSD đất nông nghiệp đã cấp ngày 22/1/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình có đất bị thu hồi.

+ Xét quyết định 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Ngày 30/11/2016 UBND huyện Đ.A ban hành quyết định số 5323/QĐ-UBND giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án công viên phần mềm và nội dung số trọng điểm

được UBND thành phố Hà Nội giao nhiệm vụ cho UBND huyện Đ.A làm chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường. Ngày 29/11/2018 UBND huyện Đ.A ban hành quyết định số 6748/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và quyết định 6751/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với hộ gia đình ông V.V.H. Bà Nhị đồng ý với chủ trương thu hồi đất, bà chỉ thắc mắc về việc áp giá bồi thường của UBND huyện Đ.A đối với thửa đất của gia đình.

Theo quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018, UBND huyện Đ.A phê duyệt số tiền bồi thường cho gia đình 4.200.000 đồng là tiền cây cối hoa màu trên đất (lúa nếp). Về bồi thường đất UBND huyện không phê duyệt do xác định đây là đất công ích do UBND xã quản lý. Ở đây UBND huyện Đ.A xác định việc giao đất cho bà Nhị không đúng quy định của pháp luật nên đã thu hồi GCNQSD đất và trong quyết định phê duyệt phương án bồi thường không áp giá bồi thường về đất cho gia đình. Như trên đã phân tích, thời điểm giao đất và cấp GCNQSD đất năm 2003 phù hợp với quy hoạch. Năm 2016 UBND thành phố Hà Nội mới có quy hoạch dự án công viên phần mềm và nội dung số trọng điểm, tức là sau 13 năm giao đất cho gia đình bà Nhị nhà nước mới có chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án. UBND huyện Đ.A không lập phương án bồi thường diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà Nhị và xác định đất thuộc UBND xã quản lý. HĐXX thấy rằng: Gia đình bà Nhị, ở đây là anh V.T.A trực tiếp canh tác liên tục từ khi được giao đất. Theo bà Nhị trình bày khi gia đình được giao đất năm 2002, lúc đó bà Nhị là giáo viên, ông Hồng là bộ đội, anh V.T.A đã đến tuổi lao động, tuổi chưa có việc làm. Anh V.T.A là người trực tiếp canh tác làm nông nghiệp (trồng lúa), hàng năm đều nộp thuế đầy đủ cho nhà nước.

Theo quy định tại khoản 2 điều 77 Luật đất đai 2013 quy định: “*Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước 1/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có GCNQSD đất hoặc không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại điều 129 Luật này*”. Như vậy chính sách của nhà nước vẫn bồi thường đối với đất nông nghiệp không được cấp GCNQSD đất sử dụng trước 1/7/2004. Đối chiếu quy định của pháp luật, gia đình bà Nhị đủ điều kiện được bồi thường về đất. UBND huyện Đ.A không phê duyệt đơn giá bồi thường về đất cho gia đình bà Nhị là không phù hợp.

Từ những phân tích trên HĐXX thấy rằng UBND huyện Đ.A ban hành quyết định 1736/QĐ-UBND và quyết định 6751/QĐ-UBND chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà N.T.N đề nghị hủy quyết định 1736/QĐ-UBND và quyết định 6751/QĐ-UBND của UBND huyện Đ.A được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Do hủy quyết định hành chính của UBND huyện Đ.A nên người bị kiện phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 3; điều 32, 33, 116, 143, 193, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính

Căn cứ điều 75, 77, 90 Luật đất đai năm 2013; điều 20, 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.T.N

- Hủy quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số L183416 do UBND huyện Đ.A cấp ngày 22/1/2003 cho hộ gia đình ông V.V.H.

- Hủy quyết định số 6751/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND huyện Đ.A về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ gia đình ông V.V.H.

2. Buộc UBND huyện Đ.A thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: UBND huyện Đ.A phải chịu 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm. Hoàn trả bà N.T.N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000674 ngày 10/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuý Linh